TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK MIL,** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2021/DS-ST.
Ngày: 21-7-2021.
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Dũng

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tiến Tịnh

2. Ông Phan Sỹ Phác

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phạm Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 72/2021/TLST-DS, ngày 22 tháng 3 năm 2021 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2021/QĐXXST-DS ngày 21/6/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 42/2021/QĐST-DS, ngày 06/7/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N

Địa chỉ: Số A phường L, quận B, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T – Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Văn T – Giám đốc Ngân hàng N, chi nhánh huyện Đ;

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Trần Quang B *(Có mặt)* – Phó Giám đốc Ngân hàng N, chi nhánh huyện Đ;

Địa chỉ: số B đường L, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đ.

- Bị đơn: Bà Trần Thị H *(Vắng mặt).*

Địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện nhận ngày 12 tháng 3 năm 2021 và lời khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trong quá trình giải quyết, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm trình bày:

Ngày 25/5/2018, bà Trần Thị H và Ngân hàng N, chi nhánh huyện Đ đã ký hợp đồng tín dụng số 5301-LAV-201801059 để vay số tiền là 600.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, trả gốc 03 kỳ, kỳ 1 trả gốc 50.000.000 đồng vào ngày 20/5/2019, kỳ 2 trả gốc 50.000.000 đồng vào ngày 20/5/2020 và kỳ 3 trả gốc 500.000.000 đồng vào ngày 20/5/2021, lãi suất cho vay 11%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, phạt lãi chậm trả 10%/năm, định kỳ trả lãi 06 tháng 01 lần, mục đích vay để đầu tư sản xuất và sinh hoạt gia đình. Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã giải ngân cho bà Trần Thị H vay toàn bộ số tiền 600.000.000 đồng. Để đảm bảo cho khoản vay trên, bà Trần Thị H đã ký hợp đồng thế chấp số 187414715/HĐTC ngày 24/5/2018 được chứng thực tại UBND xã Đ ngày 24/5/2018 và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ ngày 24/5/2018 đối với các tài sản: thửa đất số 45, tờ bản đồ số 110, diện tích 18.837,6m2, địa chỉ tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 243565 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 07/5/2018 đứng tên bà Trần Thị H và thửa đất số 11, tờ bản đồ số 107, diện tích 15.844,7m2, địa chỉ tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 243564 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 07/5/2018 đứng tên bà Trần Thị H.

Trong quá trình vay, bà Trần Thị H đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như cam kết, không thanh toán khoản tiền gốc đến hạn và khoản tiền lãi phát sinh mặc dù ngân hàng đã nhiều lần thông báo yêu cầu trả nợ, đối với những khoản nợ gốc đến hạn mà không thanh toán, Ngân hàng đã có thông báo chuyển sang nợ quá hạn và đã có thông báo thu hồi nợ trước hạn.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn đã đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà Trần Thị H phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 21/7/2021) là 825.805.556 đồng, trong đó, nợ gốc là 600.000.000 đồng, lãi trong hạn 183.638.889 đồng, lãi quá hạn là 42.166.667 đồng. Bà Trần Thị H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 22/7/2021 cho đến khi thanh toán xong nợ theo các hợp đồng đã ký kết. Trường hợp bà Trần Thị H không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện không đầy đủ thì yêu cầu được xử lý đối với các tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ: thửa đất số 45, tờ bản đồ số 110, diện tích 18.837,6m2, địa chỉ tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 243565 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 07/5/2018 đứng tên bà Trần Thị H và thửa đất số 11, tờ bản đồ số 107, diện tích 15.844,7m2, địa chỉ tại xã Đ, huyện

Đ, tỉnh Đ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 243564 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 07/5/2018 đứng tên bà Trần Thị H.

2. Đối với bị đơn bà Trần Thị H: Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Trần Thị H nhưng bà H đều vắng mặt tại các buổi làm việc, không đến Tòa án, không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh hoặc có yêu cầu phản tố với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 180, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 299, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 322, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 3, Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, đã đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền tính đến xét xử sơ thẩm (ngày 21/7/2021) là 825.805.556 đồng, trong đó, nợ gốc là 600.000.000 đồng, lãi trong hạn 183.638.889 đồng, lãi quá hạn là 42.166.667 đồng. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà Trần Thị H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Trường hợp bà Trần Thị H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý các tài sản đảm bảo để thu hồi nợ: thửa đất số 45, tờ bản đồ số 110, địa chỉ tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 243565 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 07/5/2018 đứng tên bà Trần Thị H và thửa đất số 11, tờ bản đồ số 107, địa chỉ tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 243564 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 07/5/2018 đứng tên bà Trần Thị H.

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bị đơn phải chịu số tiền xem xét, thẩm định tại chỗ.

- Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Nguyên đơn phải chịu lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin theo quy định của pháp luật.

- Về án phí dân sự: bị đơn pH chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. **Về thủ tục tố tụng**:

[1]1.1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo xác định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]1.2. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà Trần Thị H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn X, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil theo khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] 1.3. Về sự vắng mặt của bị đơn: Theo kết quả xác minh tại Công an xã Đ, huyện Đ thể hiện: Bà Trần Thị H hiện vẫn đang đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn X, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ. Tuy nhiên, vào thời điểm xác minh bà Trần Thị H không có mặt tại địa phương, đi đâu, làm gì, ở đâu không báo cho chính quyền địa phương nên không biết. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã làm thủ tục thông báo ấn định thời gian làm việc đối với bà Trần Thị H trên Báo công lý các số 41, 42, 43 ra các ngày 21, 25, 28/5/2021; trên Đài tiếng nói Việt Nam phát sóng lúc 17h50-18h00 các ngày 23, 24, 25/5/2021 nhưng bà Trần Thị H đều không có thông tin gì. Hội đồng xét xử đã căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, để tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

2. Về nội dung tranh chấp:

2.1. Về hợp đồng tín dụng:

[4] Ngày 25/5/2018, bà Trần Thị H và Ngân hàng N, chi nhánh huyện Đ đã ký hợp đồng tín dụng số 5301-LAV-201701059 để vay số tiền là 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng), thời hạn vay 36 tháng, trả gốc làm 03 kỳ, kỳ 1 trả gốc 50.000.000 đồng vào ngày 20/5/2019, kỳ 2 trả gốc 50.000.000 đồng vào ngày 20/5/2020 và kỳ 3 trả gốc 500.000.000 đồng vào ngày 20/5/2021, lãi suất cho vay là 11%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi xuất trong hạn, phạt chậm trả lãi 10%/năm, định kỳ trả lãi 06 tháng 01 lần, mục đích vay để đầu tư sản xuất và sinh hoạt gia đình. Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã giải ngân cho bà Trần Thị H vay toàn bộ số tiền 600.000.00 đồng. Như vậy, việc giao kết hợp đồng tín dụng giữa các bên là có thật, nội dung thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, số tiền vay 600.000.000 đồng, thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày 25/5/2018, hạn trả nợ cuối cùng ngày 20/5/2021, trả gốc làm 03 kỳ, kỳ 1 trả gốc 50.000.000 đồng vào ngày 20/5/2019, kỳ 2 trả gốc 50.000.000 đồng vào ngày 20/5/2020 và kỳ 3 trả gốc 500.000.000 đồng vào ngày 20/5/2021; khi đến hạn trả nợ, bà Trần Thị H không thực hiện nghĩa vụ trả

nợ gốc cho Ngân hàng là vi phạm Điều 5 của hợp đồng tín dụng đã ký kết, vi phạm Điều 466 của Bộ luật dân sự do đó Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị H phải thanh toán số nợ gốc là có căn cứ, cần chấp nhận và buộc bị đơn phải thanh toán số nợ gốc là: 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng).

[6]Đối với yêu cầu của nguyên đơn về lãi suất, Hội đồng xét xử xét thấy: Nội dung thỏa thuận về lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn, phạt chậm trả lãi giữa Ngân hàng và bà Trần Thị H theo hợp đồng tín dụng đã ký kết là phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc cho vay của các tổ chức tín dụng tại Điều 3, Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng, phù hợp với các quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự, do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn tính đến ngày xét xử (ngày 21/7/2021), cụ thể: Lãi trong hạn 138.638.889 đồng, lãi quá hạn 42.166.667 đồng. Bà Trần Thị H còn phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày 22/7/2021 cho đến khi trả xong nợ.

2.2. Đối với tài sản thế chấp:

[7]2.2.1. Hiệu lực của hợp đồng thế chấp: Để bảo đảm cho khoản vay, bà Trần Thị H đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất đối với: thửa đất số 45, tờ bản đồ số 110, diện tích 18.837,6m2, địa chỉ tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 243565 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 07/5/2018 đứng tên bà Trần Thị H và thửa đất số 11, tờ bản đồ số 107, diện tích 15.844,7m2, địa chỉ tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 243564 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 07/5/2018 đứng tên bà Trần Thị H. Hợp đồng thế chấp đã được UBND xã Đ chứng thực và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ. Hợp đồng thế chấp được lập đúng hình thức, nội dung và có đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định pháp luật nên có hiệu lực pháp luật.

[8]2.2.2. Về tài sản thế chấp: Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 29/4/2021 xác định thửa đất số 45, tờ bản đồ số 110, diện tích 18.837,6m2, địa chỉ tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ và thửa đất số 11, tờ bản đồ số 107, diện tích 15.844,7m2, địa chỉ tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ đứng tên bà Trần Thị H là phù hợp với bản đồ giải thửa; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và trên thực tế phù hợp, đúng vị trí.

[9]3. Đối với bà Trần Thị H, mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần (đã tiến hành thông báo, niêm yết theo đúng quy định của pháp luật) và đã được thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng nhưng không có thông tin, không đến Tòa án làm việc; không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ

quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên phải chịu hậu quả về việc không đưa ra chứng cứ để chứng minh theo khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[10]4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu số tiền 36.774.166 đồng án phí dân sự. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

5. Về các chi phí tố tụng khác:

[11]5.1. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) chi phí xem xét thẩm định do nguyên đơn đã nộp tạm ứng trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[12]5.2. Về chi phí đăng tin: Nguyên đơn phải chịu số tiền 5.000.000 đồng chi phí đăng tin theo Điều 180 của Bộ luật tố tụng dân sự được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp. Nguyên đơn đã thực hiện xong nghĩa vụ này.

[13]Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tại phiên toà là có căn cứ và phù hợp với các quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 180, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 299, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 322, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 3, Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N (nguyên đơn) đối với bà Trần Thị H (bị đơn) về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

1. Buộc bà Trần Thị H phải trả cho Ngân hàng N tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 21/7/2021) là 825.805.556 đồng (Tám trăm hai mươi lăm triệu tám trăm lẻ năm nghìn năm trăm năm mươi sáu đồng), trong đó: nợ gốc là 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng), lãi trong hạn 183.638.889 đồng (Một trăm tám mươi ba triệu sáu trăm ba mươi tám nghìn tám trăm tám mươi chín đồng), lãi quá hạn là 42.166.667 đồng (Bốn mươi hai triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 22/7/2021), bà Trần Thị H phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất được thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi trả xong nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời

kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Trường hợp bà Trần Thị H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý các tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ đối với: thửa đất số 45, tờ bản đồ số 110, địa chỉ tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 243565 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 07/5/2018 đứng tên bà Trần Thị H và thửa đất số 11, tờ bản đồ số 107, địa chỉ tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 243564 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 07/5/2018 đứng tên bà Trần Thị H.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị H phải nộp 36.774.166 đồng (Ba mươi sáu triệu bảy trăm bảy mươi bốn nghìn một trăm sáu mươi sáu đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng N, chi nhánh Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.956.000 đồng (Mười một triệu chín trăm năm mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai số 0004939 ngày 19/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Bà Trần Thị H có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng N, chi nhánh Đắk Mil số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) chi phí xem xét thẩm định do Ngân hàng N, chi nhánh Đắk Mil đã nộp tạm ứng trong quá trình giải quyết vụ án.

5. Về chi phí đăng tin: Ngân hàng N, chi nhánh Đ phải nộp số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) chi phí đăng tin được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp. Nguyên đơn đã thực hiện xong nghĩa vụ này.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil (02);
- Chi Cục THADS huyện Đắk Mil;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Trung Dũng